

Bản án số: 303/2023/DS-ST
Ngày 06 - 12 - 2023
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Việt Hưng

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 631/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 388/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Tuyết N, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Ấp T L A, xã T T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Phạm Văn K, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Ấp T A, xã T Đ, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Trần Hồng T, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Ấp T A, xã T Đ, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Trương Tuyết N trình bày: Ông K và bà T làm chủ hụi, chị Nghi có có tham gia chơi hụi, cụ thể:

Dây hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 25/4/2022 âl, mỗi tháng khai 01 lần, dây hụi gồm 37 phần, chị N tham gia 02 phần, đã đóng được 14 lần với số tiền 48.000.000 đồng thì ông K và bà T đình hụi, sau đó có trả được số tiền 6.000.000 đồng. Số tiền còn thiếu lại 42.000.000 đồng. Nay chị N yêu cầu ông K và bà T trả số tiền 40.000.000 đồng.

Đối với ông Phạm Văn K và bà Trần Hồng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông, bà không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trương Tuyết N khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn K và bà Trần Hồng T trả tiền nợ hui là vụ kiện tranh chấp hui, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Trương Tuyết N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông K và bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Việc chị có tham gia chơi hui do ông K và bà T làm đầu thảo và việc ông K, bà T còn nợ tiền hui của chị N với số tiền 42.000.000 đồng là thực tế có xảy ra. Tuy nhiên, tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nghi chỉ yêu cầu ông K và bà T trả số tiền hui 40.000.000 đồng, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị Nghi.

Đối với ông K và bà T đã biết được nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng ông, bà không có ý kiến, không đưa ra chứng cứ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để xét xử là phù hợp với khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, khi chị Nghi tham gia chơi hui do ông K và bà T làm đầu thảo, thì ông, bà đang chung sống với nhau và hiện nay vẫn còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân. Do đó, buộc ông K và bà T có trách nhiệm trả cho chị N số tiền hui 40.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông K và bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Tuyết N.

1. Buộc ông Phạm Văn K và bà Trần Hồng T phải có nghĩa vụ trả cho chị Trương Tuyết N số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

2. Kể từ ngày chị Trương Tuyết N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Văn K và bà Trần Hồng T chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông K và bà T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Tuyết N không phải chịu, hoàn trả lại cho chị Trương Tuyết N số tiền 1.050.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000583 ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D.

Ông Phạm Văn K và bà Trần Hồng T phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Hồ Ngọc Yến

